

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-PT
Ngày 30-3-2021
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam

Các thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Nha – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Th - sinh năm: 1940;

Trú tại.- Tổ 21 (tổ 10 mới), phường ĐT, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn TG - sinh năm 1965;

Trú tại: Tổ 21 (tổ 10 mới), phường ĐT, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (Giấy ủy quyền số chứng thực: 345/quyền số 01-SCT/CK,ĐC ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường ĐT, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư ND - Văn phòng luật sư N, Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng;

Địa chỉ: SN 49, tổ 22, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

- Bị đơn: ông Đoàn Ngọc T - sinh năm: 1968;

Trú tại: Xóm 3, N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị T – VPLS Nguyễn Thị T, Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Sở X tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lã H – Giám đốc. Vắng mặt
Ủy quyền cho ông Đàm Đ – Chức vụ: Phó giám đốc Sở X tỉnh Cao Bằng.
Có mặt.

2. UBND xã H thành phố C. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Q D –
Chức vụ: Chủ tịch, Vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1968;

Trú tại: Xóm 3, N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị N.

Trú tại: Xóm 3, N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin vắng
mặt.

5. Ông Đoàn Ngọc Q (đã chết) Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông
Q là bà Nguyễn Thị T.

Trú tại: Xóm 3, N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin vắng
mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Đoàn Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2019, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn TG trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp nằm trong phần đất tổ tiên để lại cho ông Nguyễn Văn K. Sau khi ông K chết năm 1960 thì để lại cho ông Nguyễn Hữu Th. Năm 1959, gia đình ông K đã góp toàn bộ đất tại đầu cầu P (diện tích khoảng 1.000m²) vào hợp tác xã N (sau này là hợp tác xã ĐT). Năm 1965, Nhà nước làm đường Quốc lộ 3 đã lấy phần lớn diện tích đất trên chỉ còn lại khoảng 200m² đất (phần đất đang tranh chấp hiện nay). Năm 1979, hợp tác xã cho Trung đoàn B sử dụng khu đất khoảng 200m² này để làm ao cá. Năm 1988, Trung đoàn B rút khỏi Cao Bằng, trả lại đất cho hợp tác xã và đất bỏ không. Năm 1990, hợp tác xã giải thể và trả lại đất cho gia đình. Năm 1991, khi ông Th đến nhận lại đất thì được biết ông Đoàn Ngọc Ng (bố ông Đoàn Ngọc T) đang canh tác trên đất và xảy ra tranh chấp từ đó đến nay. Năm 1991, ông Th làm đơn khiếu nại lên ủy ban nhân dân xã H đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với ông Ng.

Ngày 31/01/1996, Sở X Cao Bằng ban hành công văn số 42/GT-XDCB-NĐ phúc đáp tranh chấp đất ở địa điểm đầu cầu P, N và ngày 09/7/1996, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 946/UB-QĐ-NL về việc giải quyết tranh chấp đất ruộng có nội dung thu hồi mảnh ruộng còn lại diện tích 60m² đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Hữu Th và ông Đoàn Ngọc Ng, giao lại cho ông Nguyễn Hữu Th sử dụng đúng mục đích sản xuất nông nghiệp. Quyết định này của ủy ban nhân dân huyện HN ông Th nhận được do gia đình ông Ng đưa đến trong khoảng thời gian rất ngắn trước khi chính quyền địa phương tiến hành việc giao đất. Ông Th đã không nhận đất bởi diện tích đất trong quyết định không đúng với diện tích đất còn lại của gia đình sau khi nhà nước đã lấy làm đường Quốc lộ 3 và

thành phần giao đất cũng không đúng. Thực tế, ông Ng vẫn chưa trả lại thửa đất trên cho ông Th. Ông Th đã nhiều lần đề nghị các cơ quan chức năng yêu cầu gia đình ông Ng thực hiện nhưng không có kết quả nên ông Th khởi kiện tới Tòa án nhân dân thành phố C yêu cầu ông T trả lại thửa đất trên.

Năm 2017, Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C có tổ chức đợt kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã. Ông Th đến ủy ban để thực hiện thủ tục kê khai với phần đất này nhưng thấy đại diện gia đình ông Ng đã kê khai nên ông Th không kê khai nữa. Ngày 03/4/2019, ông Th có đơn đề nghị đến Ủy ban nhân dân xã H để giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông và gia đình ông Đoàn Ngọc Q. Ngày 06/5/2019, ông Th nhận được công văn số 69/CV-UBND ngày 24/4/2019 của ủy ban nhân dân xã H với nội dung không xem xét giải quyết tranh chấp đất đai do phần đất đang tranh chấp thuộc đất nhà nước quản lý (trực tiếp là Sở X quản lý).

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2019, ông Th khởi kiện ông Đoàn Ngọc Q. Tuy nhiên, sau buổi hòa giải ngày 15/7/2019 qua lời trình bày của ông Q ông Th được biết phần đất đang tranh chấp ông Ng chia cho ông Đoàn Ngọc T (anh trai của ông Q). Ông T là người đang trực tiếp quản lý và sử dụng diện tích đất trên. Do vậy, ngày 28/7/2019 ông Th có đơn khởi kiện thay đổi người bị kiện từ ông Đoàn Ngọc Q chuyển thành ông Đoàn Ngọc T. Theo quyết định của ủy ban nhân dân huyện HN diện tích đất ông Ng phải trả lại cho ông Th là 60m². Tuy nhiên, theo bản đồ địa chính năm 2015 phần đất đang tranh chấp này là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 36, diện tích 195,6m² và nằm hoàn toàn trong hành lang giao thông. Đối với kết quả thẩm định diện tích đất thực tế tranh chấp ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C ông không có ý kiến gì. Trên phần đất đang tranh chấp này hiện không canh tác và không có tài sản trên đất.

Do vậy, ông Nguyễn Hữu Th yêu cầu ông Đoàn Ngọc T trả lại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 36, diện tích 195,6m² tại xóm 3, N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Đoàn Ngọc T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp do bố mẹ ông là ông Đoàn Ngọc Ng (mất năm 2000) và bà Nguyễn Thị Ng khai phá từ năm 1967, 1968. Năm 1981, Trung đoàn B thuộc quân đoàn 26 liên hệ với gia đình để làm ao thả cá cho đơn vị. Căn cứ vào nhu cầu của đơn vị gia đình ông đã chấp thuận đề nghị này cho đến khi đơn vị rút quân vào năm 1987. Năm 1987, gia đình ông tiếp tục cải tạo, đào san lấp làm ruộng trồng lúa đến năm 1989. Trước khi ông Ng mất đã chia cho ông phần đất đang tranh chấp này và phần đất này là đất ruộng. Ông đã quản lý và sử dụng phần đất được chia từ năm 2000 cho đến nay không có tranh chấp. Ông chưa được chính quyền địa phương thông báo về việc hòa giải tranh chấp đất đai với ông Nguyễn Hữu Th lần nào.

Khoảng năm 2007, nhà nước thu hồi đất để làm đường 58m. Do không có

nước mương hồ K nên gia đình không thể canh tác trồng lúa trên diện tích đất này. Năm 2010, gia đình ông kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến hiện tại vẫn chưa được cấp bởi đất đang có tranh chấp. Năm 2015, gia đình ông đã lấp đất lên toàn bộ diện tích đất này. Phần diện tích 60m² đất theo quyết định số 946/UB-NĐ-NL ngày 09/7/1996 của Ủy ban nhân dân huyện HN về việc giải quyết tranh chấp ruộng đất gia đình ông đã trả lại cho ông Th từ thời điểm bố ông còn sống với sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân xã H và phần đất này Nhà nước đã sử dụng khi mở rộng đường Quốc lộ 3. Diện tích đất đang tranh chấp là đất của gia đình ông và nằm hoàn toàn trong hành lang giao thông. Đối với kết quả thẩm định diện tích đất thực tế tranh chấp ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C ông không có ý kiến gì. Phần đất đang tranh chấp này hiện không canh tác và không có tài sản trên đất. Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2019, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T (vợ ông Đoàn Ngọc T) trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp do bố mẹ chồng bà là ông Đoàn Ngọc Ng (mất năm 2000) và bà Nguyễn Thị Ng khai phá từ năm 1967, 1968. Từ khi bà về làm dâu năm 1987 thì gia đình trồng lúa trên phần đất này. Trước khi mất ông Ng đã chia phần đất đang tranh chấp cho ông T và gia đình bà đã quản lý và sử dụng phần đất này từ năm 2000 cho đến nay không có tranh chấp. Năm 1996, ông Ng đã giao lại phần đất trong quyết định số 946 của ủy ban nhân dân huyện HN cho ông Th. Phần đất đó nằm giữa đường Quốc lộ 3 và phần đất đang tranh chấp. Khi chính quyền địa phương tiến hành giao đất theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện HN ông Th bỏ về không nhận với lý do không đúng thành phần và diện tích đất. Và thực tế phần đất 60m² chưa được giao lại cho ông Th. Diện tích đất đang tranh chấp là đất của gia đình bà và nằm hoàn toàn trong hành lang giao thông. Phần đất này đã được gia đình bà kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến thời điểm này vẫn chưa được cấp. Đối với kết quả thẩm định diện tích đất thực tế tranh chấp ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C bà không có ý kiến gì. Phần đất đang tranh chấp này hiện không canh tác và không có tài sản trên đất. Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C đã:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 157 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 4 Điều 43 Luật giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th đối với yêu cầu ông Đoàn Ngọc T trả lại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 36, diện tích 195,6m² (bản đồ địa chính năm 2015) tại xóm 3, N, xã Hưng Đạo, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Ông Nguyễn Hữu Th được quyền sử dụng diện tích đất thực tế 226m² tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 36 (bản đồ địa chính năm 2015) tại xóm 3, N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Phần đất này thuộc hành lang an toàn giao thông và chịu sự điều chỉnh của cơ quan quản lý nhà nước về giao thông. Ông Nguyễn Hữu Th chỉ được dùng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, không được xây dựng công trình kiên cố, công trình tạm, không được làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông và kết cấu hạ tầng giao thông. Phần đất này có tứ cận tiếp giáp:

- Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị M
- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị L (3m)
- Phía Tây giáp đường dân sinh
- Phía Bắc giáp Quốc lộ 3 (cũ)

(Có bản đồ trích đo địa chính khu đất kèm theo bản án)

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2020 bị đơn Đoàn Ngọc T có đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Đoàn Ngọc T giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hữu Th.

Tại biên bản xác minh ngày 08/01/2021 bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Về nguồn gốc đất đang tranh chấp là vào khoảng những năm 1960 khi Trung Quốc sang làm đường xong, những phần đất cạnh đường không ai quản lý, sử dụng nên bà và chồng là ông Ng cùng canh tác trên phần đất đang tranh chấp này, năm 1981 bộ đội đến xin làm ao thả cá, sau khi chuyển đi gia đình đã nhận lại quản lý sử dụng cho đến nay và chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà biết ông Th đến tranh chấp với con bà là ông T, bà không nhất trí vì đây là đất của gia đình bà, do tuổi cao sức yếu nên bà từ chối tham gia tố tụng tại tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 11/01/2021 bà Nguyễn Thị Th (vợ ông Đoàn Ngọc Q, ông Q đã chết) khai: Bà về làm dâu gia đình ông Q từ năm 2002, vẫn thấy gia đình quản lý sử dụng thửa đất tranh chấp, thửa đất này đã được bố, mẹ chồng bà chia cho ông Đoàn Ngọc T quản lý sử dụng, sau khi nhà nước làm đường 58, nước không về đến ruộng nên gia đình không sử dụng, bà biết việc ông Th khởi kiện và không đồng ý vì cho rằng đất là của gia đình nhà chồng, do điều kiện công tác, bà từ chối tham gia tố tụng tại tòa án, đề Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà.

Tại biên bản xác minh UBND xã HĐ thành phố C, ngày 25/01/2021, bà Lô T cán bộ tư pháp hộ tịch trình bày: Năm 2019 UBND xã nhận được đơn yêu

cầu giải quyết đất đai giữa ông Nguyễn Hữu Th và ông Đoàn Ngọc Q; UBND xã xác định tranh chấp giữa ông Thúc và ông Q đã được giải quyết bằng quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ngoài ra đất tranh chấp nằm trong hành lang an toàn giao thông, đất thuộc nhà nước quản lý do đó UBND xã HĐ không xem xét giải quyết tranh chấp đất đai và đã có công văn trả lời cho ông Nguyễn Hữu Th.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư ND trình bày: Như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị HĐXX xem xét làm rõ diện tích đất tranh chấp, vị trí đất tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu chỉ là một mảnh ruộng nhỏ phía đầu cầu, trong số diện tích 226m² đất tranh chấp chưa làm rõ 60m² đất vị trí, giáp ranh, tứ cận mà quyết định số 946/UB-ND-NL ngày 09/7/1996 của UBND huyện HN đã giải quyết, số diện tích này thuộc trường hợp cơ quan nhà nước khác đã giải quyết và đang có hiệu lực pháp luật, đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm đối với diện tích 60m², diện tích đất còn lại bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có căn cứ pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của bị đơn Đoàn Ngọc T không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị HĐXX bác kháng cáo và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hữu Th khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Ngọc T trú tại xóm 3, N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng trả lại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 36, diện tích 195,6m², Tòa án nhân dân thành phố C đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS 2015, xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp quyền sử dụng đất, thụ lý và giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ngày 24/11/2020 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không có đơn kháng cáo, bị đơn Đoàn Ngọc T kháng cáo, tại phiên tòa Phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu tòa án giải quyết do đó, Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bị đơn Đoàn Ngọc T:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong

hồ sơ vụ án, xác định nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn Nguyễn Hữu Th, bị đơn Đoàn Ngọc T là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 36, diện tích 195,6m² (diện tích thực tế khi thẩm định là 226m²) là đất nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông của cầu K (cầu P).

Tại bản kê khai khai phá đất ngày 05/02/1990 của ông Đoàn Ngọc Ng, chính quyền địa phương xác nhận ông Ng phục hóa 02 đầm ruộng ở đầu cầu P, do đó không có sự việc ông Ng khai phá diện tích đất mới, mà được phục hóa từ phần ruộng cũ. Việc ông T cho rằng đất đang tranh chấp do ông Ng và bà Ng khai phá sử dụng từ năm 1967, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ sơ thẩm đến phúc thẩm, bị đơn Đoàn Ngọc T không cung cấp được bất cứ tài liệu nào thể hiện về nguồn gốc đất do gia đình ông khai phá. Những người làm chứng mà ông cho rằng biết về nguồn gốc đất có ông Nguyễn Đức D, tại biên bản xác minh ngày 09/3/2020 ông D cho rằng đất đang tranh chấp là đất công.

Tại công văn số 42/GT-XDCB-NĐ ngày 31/01/1996 của Sở X tỉnh Cao Bằng có nội dung, thu hồi diện tích đất hai bên đường quốc lộ 3 tại vị trí cầu N N của ông Đoàn Ngọc Nguyên mượn đất canh tác từ năm 1991 đến nay, để chính quyền địa phương giao lại cho chủ đất là Nguyễn Hữu Th, con trai thừa kế của bố đẻ là Nguyễn Văn X quản lý và canh tác. Ủy ban nhân dân huyện HN đã căn cứ vào Công văn trên và ra Quyết định số 946/UB-NĐ-NL ngày 09/7/1996 thu hồi diện tích 60m² thuộc xứ Đồng cầu P Quốc lộ 3 đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Hữu Th và ông Đoàn Ngọc Ng; giao mảnh đất trên cho ông Nguyễn Hữu Th được quyền sử dụng đúng mục đích sản xuất nông nghiệp.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 43 Luật giao thông đường bộ năm 2008, xác định ông Nguyễn Hữu Th được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn Đoàn Ngọc T cho rằng bản án sơ thẩm xác định là đất thuộc hành lang an toàn giao thông nhưng không đưa cơ quan quản lý về giao thông vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Tòa án cấp phúc thẩm đã mời Sở X tỉnh Cao Bằng tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Sở X giữ nguyên quan điểm đã được thể hiện tại công văn số 42/GT-XDCB-NĐ ngày 31/01/1996, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng gia đình ông đã có Biên bản giao diện tích 60m² cho gia đình ông Nguyễn Hữu Th vào ngày 18/9/1996, tuy nhiên lại không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, trong quan hệ tố tụng dân sự nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự. HĐXX xét thấy đây chỉ là lời trình bày không có căn cứ.

Tại đơn kháng cáo, bị đơn Đoàn Ngọc T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa mẹ ông là bà Nguyễn Thị Ng và em trai ông là ông Đoàn Ngọc Q tham gia tố tụng là vi phạm đến quyền lợi hợp pháp của họ. Cấp phúc thẩm đã xem xét khắc phục đưa họ vào tham gia tố tụng. Tại biên bản xác minh ngày 08/01/2021, bà Nguyễn Thị Ng trình bày về nguồn gốc thửa đất, đưa ra yêu cầu, đồng thời xác nhận biết việc ông Th khởi kiện ông T, do tuổi cao sức yếu nên

xin vắng mặt và đề nghị không tham gia tố tụng tại Tòa án. Tại biên bản xác minh ngày 18/01/2021 đối với bà Nguyễn Thị Th là vợ của ông Đoàn Ngọc Q (đã chết) bà Th cũng xác nhận phần đất tranh chấp đã được bố, mẹ chồng giao cho ông Đoàn Ngọc T quản lý, bà biết sự việc hai bên kiện tụng, vì lý do công tác đề nghị không tham gia tố tụng tại Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm phía bị đơn cho rằng sự việc chưa được chính quyền địa phương xem xét hòa giải, qua xác minh UBND xã HĐ nhận thức của chính quyền địa phương, đất tranh chấp là đất công, sự việc đã được cơ quan nhà nước khác giải quyết nên không xem xét giải quyết, đồng thời ra văn bản trả lời cho ông Nguyễn Hữu Th, UBND xã nhận thức như vậy là thiếu sót, chưa đúng với tinh thần tại các Điều 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, Hòa giải tại UBND xã, phường là thủ tục tiền tố tụng bắt buộc đối với tranh chấp về quyền sử dụng đất, là tiền đề cho các cơ quan nhà nước khác xem xét thụ lý giải quyết tiếp theo, theo lựa chọn của đương sự hoặc theo thẩm quyền, việc cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết khi chưa có hòa giải tại cơ sở là thiếu sót, tuy nhiên mặc dù chưa được hòa giải tại cơ sở, phần lỗi thuộc về nhận thức của cơ quan hành chính nhà nước, khi giải quyết tại tòa án đã không làm thay đổi bản chất của vụ án, đúng đường lối, nhưng cần nhắc nhở nghiêm túc rút kinh nghiệm khi xem xét điều kiện thụ lý, giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất trong thời gian tới.

Việc ông Đoàn Ngọc T và người bảo vệ quyền lợi cho ông cho rằng kết quả xem xét thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 226m², trong đó có 60m² đã được UBND huyện HN giải quyết tranh chấp đất đai tại Quyết định số 946/UB-NĐ-NL ngày 09/7/1996, bản án cấp sơ thẩm nhận định và giải quyết cả phần diện tích đất này là không đúng quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ xác định diện tích thực tế đo được là 226m², ông Đoàn Ngọc T có mặt tại buổi xem xét thẩm định nhất trí với các ranh giới, tứ cận tiếp giáp của diện tích đất đang tranh chấp, sau khi có kết quả đo đạc ông cũng không có ý kiến gì, mặt khác khi ban hành Quyết định 946/UB-NĐ-NL ngày 09/7/1996 của UBND huyện HN tỉnh Cao Bằng, UBND huyện HN cũng chưa xác định được cụ thể giáp ranh tứ cận, chỉ có vị trí, loại đất và diện tích, quyết định này các bên chưa thi hành, không bị khiếu nại đang có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn dùng nó làm căn cứ để khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố xem xét tính hợp pháp của quyết định, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế tại buổi thẩm định để giải quyết tranh chấp là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, kháng cáo của ông Đoàn Ngọc T không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về án phí: Kháng cáo của bị đơn Đoàn Ngọc T không được HĐXX phúc thẩm chấp nhận do đó ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 147, 148, 157, 158, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 157 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 4 Điều 43 Luật giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đoàn Ngọc T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th đối với yêu cầu ông Đoàn Ngọc T trả lại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 36, diện tích 195,6m² (bản đồ địa chính năm 2015) tại xóm 3, N, xã HĐ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Ông Nguyễn Hữu Th được quyền sử dụng diện tích đất thực tế 226m² tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 36 (bản đồ địa chính năm 2015) tại xóm 3, N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Phần đất này thuộc hành lang an toàn giao thông và chịu sự điều chỉnh của cơ quan quản lý nhà nước về giao thông. Ông Nguyễn Hữu Th chỉ được dùng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, không được xây dựng công trình kiên cố, công trình tạm, không được làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông và kết cấu hạ tầng giao thông. Phần đất này có tứ cận tiếp giáp:

- Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị M
- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị L (3m)
- Phía Tây giáp đường dân sinh
- Phía Bắc giáp Quốc lộ 3 (cũ)

(Có bản đồ trích đo địa chính khu đất kèm theo bản án)

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đoàn Ngọc T phải có trách nhiệm thanh toán tiền ci phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho ông Nguyễn Hữu Th số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Đoàn Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Ông Đoàn Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận ông T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000793 ngày 16/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- CCTHADS TP C;
- TAND TP C;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Hà Nam

